QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HOA KỲ VỀ VI PHẠM HỢP ĐỒNG TRƯỚC THỜI HẠN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ QUỲNH YẾN
Trường Đại học Ngoại thương

Nhận bài ngày 09/3/2025. Sửa chữa xong 13/3/2025. Duyệt đăng 17/3/2025.

Abstract

The doctrine of anticipatory breach of contract was first found in England and quickly spread to many countries in the Common Law system. In the United States, this doctrine was recognized and codified in the Uniform Commercial Code 2006, however, US lawmakers made additional necessary adjustments to conform to national law. This article analyses US law on anticipatory breach in order to provide lessons for improving Vietnamese law on this type of breach.

Keywords: *Breach of contract, Anticipatory Breach of contract, US law.*

1. Đặt vấn đề

Học thuyết vi phạm hợp đồng (VPHĐ) trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ (gọi tắt là vi phạm hợp đồng trước thời hạn) không còn quá xa lạ ở nhiều quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các quốc gia Common Law. Học thuyết này ra đời từ thế kỷ 19 ở Anh từ án lệ *Hochster v. De La Tour* năm 1853 cho phép một bên có thể huỷ hợp đồng và đòi bồi thường thiệt hại nếu trước khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên kia tuyên bố không thực hiện nghĩa vụ của mình [5]. Học thuyết này dần dần phát triển và nhận được sự ủng hộ, công nhận của nhiều quốc gia. Ở hệ thống Common law, Hoa Kỳ là quốc gia điển hình công nhận học thuyết này một cách nhanh chóng; không chỉ trong các án lệ của Toà án Hoa Kỳ mà quốc gia này còn pháp điển hoá thành chế định về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ trong Bộ luật Thương mại Hoa Kỳ. Đặc biệt, trong quá trình "cấy ghép" pháp luật, các nhà làm luật Hoa Kỳ đã có những điều chỉnh nhất định đối với học thuyết gốc để phù hợp hơn với pháp luật Hoa Kỳ. Ở Việt Nam, cho đến nay học thuyết VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ vẫn chưa chính thức được công nhận, dẫn đến một số bất cập khi áp dụng pháp luật. Một số nghiên cứu đã chỉ ra những lý do Việt Nam cần công nhận và điều chỉnh loại vi phạm này [11], [12]. Trong quá trình nghiên cứu để tiếp nhận học thuyết này tại Việt Nam, các nhà làm luật trong nước có thể tham khảo quy định của pháp luật Hoa Kỳ về VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ để làm bài học kinh nghiệm và đưa ra những giải pháp phù hợp đối với pháp luật hiện hành.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát chung về học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ

2.1.1. Khái niệm vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ

Có thể thấy, hầu như các khái niệm về VPHĐ không đề cập đến thời điểm xảy ra vi phạm, trước hay sau khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, về mặt lý luận và thực tiễn, khái niệm VPHĐ thông thường hướng tới những hành vi mà một bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ của mình khi đã hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Chẳng hạn, trong các bài nghiên cứu của các

Email: yenntq@ftu.edu.vn

học giả, chúng ta cũng có thể tìm thấy các cách định nghĩa khác nhau đối với thuật ngữ VPHĐ. Theo tác giả Dương Anh Sơn, "*Hành vi vi phạm hợp đồng là những biểu hiện khách quan dưới dạng hành động hoặc không hành động trái với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận*" [13]. Hay tác giả Võ Sỹ Mạnh đã đưa ra định nghĩa "*Vi phạm hợp đồng là việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, theo thói quen trong thương mại giữa các bên, pháp luật điều chỉnh hợp đồng hoặc tập quán thương mại quy định*" [14]. Xem xét ở góc độ pháp lý, thuật ngữ VPHĐ được định nghĩa trong hầu hết đạo luật của các quốc gia. Chẳng hạn, Luật Hợp đồng Trung Quốc 1999 đưa ra khái niệm VPHĐ gián tiếp tại Điều 107 về trách nhiệm do VPHĐ, theo đó "*một bên không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc việc thực hiện không thoả mãn các điều khoản của hợp đồng thì phải chịu trách nhiệm do vi phạm hợp đồng*". Ở Việt Nam, khái niệm VPHĐ được đưa ra trực tiếp trong văn bản Luật Thương mại 2005 tại khoản 12 điều 3, theo đó "*vi phạm hợp đồng là việc một bên không thực hiện, thực hiện không đầy đủ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên hoặc theo quy định của Luật này*". Trong khi đó, Bộ luật Dân sự Việt Nam năm 2015 không sử dụng thuật ngữ VPHĐ mà thay vào đó là thuật ngữ "vi phạm nghĩa vụ dân sự". Điều 351 của Luật này quy định: "*Vi phạm nghĩa vụ là việc bên có nghĩa vụ không thực hiện nghĩa vụ đúng thời hạn, thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng nội dung của nghĩa vụ*". Như vậy, có thể hiểu các khái niệm kể trên đều đề cập với việc một bên "không thực hiện", " thực hiện không đầy đủ", "thực hiện không đúng" nghĩa vụ hợp đồng khi đã hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ đó.

Trong khi đó, VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ là vi phạm được công nhận ngay khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, dựa trên một sự suy đoán có cơ sở rõ ràng. Một số học giả nước ngoài đã đưa ra một số cách định nghĩa loại vi phạm này. Chẳng hạn, theo tác giả Collin P. Campell:" *Vi phạm trước thời hạn là học thuyết theo đó một người ký kết hợp đồng với một người khác để thực hiện một hay nhiều hành động tại một thời điểm nhất định sẽ được phép kiện trước khi hết thời hạn thực hiện hợp đồng khi người kia tuyên bố rằng anh ta sẽ không thực hiện nghĩa vụ hoặc việc thực hiện nghĩa vụ của anh ta là không thể vào thời điểm đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ đó*" [15]. Theo định nghĩa này, VPHĐ trước thời hạn xảy ra khi một bên đưa ra tuyên bố về việc anh ta không thực hiện hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ của mình trước khi đến thời hạn thực hiện chúng. Tương tự, tác giả Hugh Beale cho rằng: "*Nếu trước khi hết thời hạn mà một bên phải thực hiện hợp đồng, anh ta bộc lộ rõ ràng ý định vi phạm, hoặc hành động theo cách mà khiến cho một người bình thường có thể kết luận là anh ta không có ý định hoàn thành nghĩa vụ của mình, điều này sẽ cấu thành một vi phạm trước thời hạn…*"[9]. Như vậy, khái niệm này không chỉ đề cập đến một tuyên bố không thực hiện nghĩa vụ hoặc một hành vi thể hiện rõ ràng ý định không thực hiện nghĩa vụ trước khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ.

Tóm lại, có thể hiểu một cách chung nhất, VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ *là vi phạm xảy ra trước khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, khi một bên tuyên bố không thực hiện nghĩa vụ hoặc có những hành vi thể hiện ý định sẽ không thực hiện nghĩa vụ, hoặc có cơ sở rõ ràng về việc anh ta không thể thực hiện nghĩa vụ của mình.*

2.1.2. Đặc điểm của vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ

VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ mang những đặc điểm chung của một VPHĐ thông thường, bên cạnh đó, loại vi phạm này cũng có những đặc điểm đặc trưng cơ bản như sau:

a. Vi phạm hợp đồng trước thời hạn xảy ra trước khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ

Thông thường, các bên cần hoàn thành nghĩa vụ trong một khoảng thời gian theo quy định, gọi là thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Theo lý thuyết hợp đồng truyền thống, nếu quá thời hạn này mà một trong các bên vẫn không thực hiện hoặc chưa hoàn thành nghĩa vụ của mình thì được cho là VPHĐ. Như vậy, đối với hành vi VPHĐ thực tế thì thời điểm xác định vi phạm xảy ra là sau khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Còn đối với VPHĐ trước thời hạn thì bất kỳ lời nói hay hành vi nào của một bên thể hiện ý định rõ ràng về việc không thực hiện hợp đồng, hoặc có bằng chứng rõ ràng về việc một bên không có khả năng thực hiện hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, thì vẫn có thể được tuyên vi phạm hợp đồng ngay thời điểm đó mà không cần chờ đến khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ.

b. Vi phạm hợp đồng trước thời hạn chưa xảy ra trên thực tế, mà được suy đoán dựa trên cơ sở rõ ràng

VPHĐ là vi phạm được suy đoán trước rằng nó sẽ xảy ra trong tương lai - khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Bởi lẽ hành vi không thực hiện nghĩa vụ chưa xảy ra trên thực tế mà được suy đoán trước thông qua lời nói hoặc hành vi thể hiện ý định của một bên trong hợp đồng hoặc các cơ sở suy đoán khác. Chẳng hạn, khi bên mua trong hợp đồng mua bán hàng hoá đã nhận đủ hàng nhưng tuyên bố từ chối thanh toán cho bên bán trước thời hạn thanh toán, hoặc có bằng chứng rõ ràng về việc bên mua phá sản mất khả năng thanh toán khi đến hạn, thì mặc dù chưa hết thời hạn để thực hiện nghĩa vụ thanh toán, bên bán vẫn hoàn toàn có thể suy đoán về việc bên mua sẽ VPHĐ khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ và được phép áp dụng một số chế tài do VPHĐ. Điều này khác với VPHĐ thông thường, khi bên bán chỉ có thể áp dụng các chế tài do VPHĐ khi hết thời hạn thanh toán mà bên mua vẫn chưa trả tiền. Nghĩa là việc không thanh toán đã xảy ra trên thực tế chứ không còn nằm ở suy đoán có cơ sở của bên bán.

c. Vi phạm hợp đồng trước thời hạn là căn cứ áp dụng các chế tài do *vi phạm hợp đồng*

Theo nguyên tắc pháp lý chung, VPHĐ là căn cứ để quy trách nhiệm cho bên vi phạm. Tuỳ vào tính chất và mức độ của vi phạm mà bên vi phạm sẽ phải chịu những hình thức chế tài do hợp đồng hoặc pháp luật quy định. Chẳng hạn, Luật Thương mại Việt Nam 2005 quy định các chế tài do VPHĐ như buộc thực hiện đúng hợp đồng, phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, tạm ngừng thực hiện hợp đồng, đình chỉ thực hiện hợp đồng, huỷ bỏ hợp đồng [1, Điều 292]. Còn đối với VPHĐ trước thời hạn, bên có nguy cơ bị vi phạm có thể áp dụng một số biện pháp trách nhiệm nhất định khi có cơ sở chắc chắn rằng vi phạm hợp đồng sẽ xảy ra khi hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Trong án lệ nổi tiếng *Hochster v. De La Tour* của Anh, Toà án khi đưa ra kết luận rằng việc một bên VPHĐ trước thời hạn đã cho phép bên kia ngay lập tức chấm dứt hợp đồng và đòi bồi thường thiệt hại.

2.1.3. Nội dung học thuyết vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ

Học thuyết VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ đặt ra các điều kiện cấu thành vi phạm và hậu quả pháp lý của loại vi phạm này. Về điều kiện cấu thành VPHĐ trước thời hạn, có hai điều kiện cơ bản: 1) Có dấu hiệu rõ ràng về việc một bên không thực hiện hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ; và 2) Vi phạm được dự báo trước là vi phạm cơ bản. Trước hết, để quy cho một bên vi phạm trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, bên bị vi phạm cần chứng minh có dấu hiệu rõ ràng về việc bên kia sẽ không thực hiện nghĩa vụ khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Có thể anh ta có lời tuyên bố rõ ràng hoặc hành vi thể hiện rõ ràng ý định không thực hiện hợp đồng; hoặc bất kỳ cơ sở nào để suy đoán chắc chắn anh ta không có khả năng thực hiện nghĩa vụ. Thứ hai, nếu một bên chỉ tuyên bố không thực hiện hoặc không thể thực hiện một nghĩa vụ thứ yếu thì sẽ không thể là căn cứ để bên kia tạm ngừng thực hiện hợp đồng hoặc huỷ hợp đồng trước thời hạn. Tác giả Corbin khẳng định rằng để cấu thành một từ chối hợp đồng trước thời hạn, thì vi phạm đó phải là vi phạm cơ bản [10, tr. 927].

Về hậu quả pháp lý, cũng giống như VPHĐ thực tế, VPHĐ trước thời hạn là căn cứ phát sinh trách nhiệm pháp lý cho bên vi phạm. Trong tranh chấp mang tính bước ngoặt đối với học thuyết VPHĐ trước thời hạn, *Hochster vs. De La Tour*, lần đầu tiên Toà án công nhận trường hợp một bên có thể VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, bên vi phạm được phép áp dụng hai biện pháp khắc phục, bao gồm chấm dứt hợp đồng và đòi bồi thường thiệt hại.

2.2. Quy định của pháp luật Hoa Kỳ về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ

Học thuyết VPHĐ trước thời hạn ở Anh khi du nhập vào hệ thống pháp luật Hoa Kỳ đã không còn nguyên vẹn mà có những sửa đổi nhất định. Về mặt thuật ngữ, Bộ luật Thương mại thống nhất Hoa Kỳ (UCC) không dùng thuật ngữ "Anticipatory breach" theo học thuyết gốc ở Anh đến chỉ vi phạm hợp đồng trước thời hạn mà thay vào đó là "Anticipatory repudiation"- có nghĩa là sự từ chối thực hiện hợp đồng trước thời hạn. Theo UCC, sự từ chối thực hiện hợp đồng trước thời hạn là việc một bên từ chối thực hiện nghĩa vụ khi chưa đến thời hạn thực hiện mà thiệt hại của nó gây ra làm giảm đáng kể giá trị của hợp đồng đối với bên kia [3, Điều 2-610]. Về cơ bản, quy định này khá tương đồng với nội dung học thuyết VPHĐ trước thời hạn khi đề ra hai điều kiện cấu thành nên loại vi phạm này, đó là: 1) Khi một

bên từ chối thực hiện nghĩa vụ; và 2) việc từ chối thực hiện nghĩa vụ gây thiệt hại làm giảm sút đáng kể giá trị hợp đồng. Trong các án lệ về vi phạm hợp đồng trước thời hạn ở Hoa Kỳ, các thẩm phán cũng đặt ra yêu cầu rằng sự từ chối thực hiện nghĩa vụ phải dứt khoát, rõ ràng [6],[7],[8]. Do đó, cần phải xem xét lời nói hoặc hành động của bên từ chối liệu đủ dứt khoát, rõ ràng để thể hiện ý định từ chối thực hiện hợp đồng hay không.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, pháp luật Hoa Kỳ còn bổ sung một quy định mới về "sự đảm bảo đầy đủ" (Adequate assurance) tại Điều 2-609 UCC. Theo Điều này, trong trường hợp có cơ sở hợp lý để suy đoán về sự không an toàn của việc thực hiện hợp đồng của một bên, bên còn lại có thể yêu cầu bên bị suy đoán vi phạm cung cấp đảm bảo đầy đủ rằng các nghĩa vụ theo hợp đồng sẽ được thực hiện. Trong thời gian chờ yêu cầu của mình được bên kia trả lời, bên có nguy cơ bị vi phạm có thể hoãn thực hiện hợp đồng và nếu yêu cầu được trả lời không thỏa đáng, bên này có thể huỷ hợp đồng trước thời hạn. Như vậy Điều 2-609 UCC chỉ yêu cầu "cơ sở hợp lý" đối với nguy cơ không thực hiện hợp đồng của một bên chứ không yêu cầu tính rõ ràng của sự từ chối thực hiện nghĩa vụ như theo quy định tại Điều 2-610. Về logic, Điều 2-609 áp dụng cho những trường hợp mà dấu hiệu vi phạm không quá rõ ràng, tuy nhiên, một bên trong hợp đồng có cơ sở "hợp lý" để nghi ngờ, hay có cảm giác bất an về việc bên còn lại sẽ không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện phần lớn nghĩa vụ hợp đồng khi đến thời hạn thực hiện chúng. Trong những trường hợp như vậy, bên suy đoán có thể tạm ngừng thực hiện hợp đồng và phải yêu cầu bên kia đưa ra đảm bảo đầy đủ về việc thực hiện nghĩa vụ của mình. Nếu bên kia không cung cấp được đảm bảo đầy đủ, thì lúc đó bên suy đoán mới có đủ cơ sở chắc chắn để khẳng định rằng bên kia sẽ vi phạm nghĩa vụ hợp đồng khi đến thời hạn thực hiện.

Về hậu quả pháp lý, khi tiếp nhận học thuyết VPHĐ trước thời hạn pháp luật Hoa Kỳ đã bổ sung thêm quyền tạm ngừng thực hiện hợp đồng và quyền yêu cầu đảm bảo đầy đủ về việc thực hiện hợp đồng từ bên bị suy đoán vi phạm tại Điều 2-609. Thêm vào đó, Điều 2-610 cho phép bên có nguy cơ bị vi phạm có thể áp dụng các biện pháp chế tài được quy định cụ thể tại Điều 2-703 và 2-711, bao gồm cả huỷ hợp đồng, bồi thường thiệt hại, tạm ngừng thực hiện hợp đồng. Đứng trước sự không an toàn hay không chắc chắn liệu rằng đối tác của mình có thực hiện hợp đồng hay không, một bên có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ cho đến khi đối tác thực hiện lại nghĩa vụ của mình hoặc cung cấp đảm bảo rằng anh ta chắc chắn sẽ thực hiện nghĩa vụ đúng hạn. Nếu bên bị suy đoán vi phạm không cung cấp được đảm bảo đầy đủ về việc thực hiện nghĩa vụ thì bên suy đoán lúc này có thể huỷ hợp đồng.

2.3. Bài học của Hoa Kỳ và một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ

2.3.1. Bài học của Hoa Kỳ

Cho đến nay, pháp luật Việt Nam vẫn chưa công nhận học thuyết VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ và đưa ra những quy định trực tiếp điều chỉnh loại vi phạm này. Tuy nhiên, có thể tìm thấy một quy định trong Bộ luật Dân sự khá tương đồng với chế định VPHĐ trước thời hạn, cụ thể là Điều 411 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng song vụ, theo đó "*Bên phải thực hiện nghĩa vụ trước có quyền hoãn thực hiện nghĩa vụ, nếu khả năng thực hiện nghĩa vụ của bên kia đã bị giảm sút nghiêm trọng đến mức không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết cho đến khi bên kia có khả năng thực hiện được nghĩa vụ hoặc có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.*". Có thể thấy căn cứ để áp dụng quyền hoãn thực hiện hợp đồng của Điều 411 là dấu hiệu về việc một bên sẽ không có khả năng thực hiện nghĩa vụ xuất hiện trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Mặc dù, Điều 411 không đề cập trực tiếp đến tính rõ ràng của dấu hiệu vi phạm, nhưng đã chỉ ra một trường hợp cụ thể để làm cơ sở xác định VPHĐ trong tương lai, đó là khi khả năng thực hiện nghĩa vụ của một bên bị giảm sút nghiêm trọng. Thêm vào đó, Điều 411 không yêu cầu vi phạm được suy đoán là vi phạm cơ bản mà chỉ quy định rằng anh ta không thể thực hiện được nghĩa vụ như đã cam kết, tức là có thể không thực hiện toàn bộ nghĩa vụ, hoặc không thực hiện được một phần nghĩa vụ. Hơn thế nữa, về hậu quả pháp lý, Điều 411 chỉ quy định chế tài duy nhất là hoãn thực hiện nghĩa vụ. Tuy nhiên, trên thực tế, việc áp dụng chế tài

hoãn thực hiện nghĩa vụ không phải lúc nào cũng công bằng và hiệu quả, bởi hoãn thực hiện hợp đồng khi biết chắc bên kia sẽ VPHĐ khi đến hạn sẽ khiến bên có nguy cơ bị vi phạm phải gánh chịu những thiệt hại đáng kể mà đáng lẽ anh ta có tránh được nếu huỷ hợp đồng ngay tại thời điểm biết chắc vi phạm sẽ xảy ra. Do đó, có thể thấy rằng việc áp dụng quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam trong những trường hợp VPHĐ trước thời hạn khá bất cập và gây ra sự bất công bằng cho bên có nguy cơ bị vi phạm.

Qua việc nghiên cứu về pháp luật Hoa Kỳ về VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, có thể nhận thấy khi du nhập học thuyết VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Hoa Kỳ đã tiếp nhận các nội dung cốt lõi của học thuyết này. Bên cạnh đó, pháp luật Hoa Kỳ còn bổ sung thêm quy định về sự đảm bảo đầy đủ đối với những nghi ngờ hợp lý về việc một bên không thực hiện nghĩa vụ. Quy định về "đảm bảo đầy đủ" khá hợp lý bởi việc áp dụng học thuyết VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ của Anh có thể dẫn đến những tính huống mơ hồ và khó xác định tính rõ ràng của dấu hiệu vi phạm, khiến bên có nguy cơ bị vi phạm không chắc chắn được liệu vi phạm hợp đồng có thực sự sẽ xảy ra trong tương lai hay không và do đó, cản trở việc họ có thể áp dụng các chế tài do VPHĐ trước thời hạn. Yêu cầu về sự đảm bảo đầy đủ sẽ giúp bên suy đoán có thêm cơ sở chắc chắn về dấu hiệu VPHĐ của bên kia để huỷ hợp đồng trước thời hạn. Dựa trên kinh nghiệm lập pháp của Hoa Kỳ đối với VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, tác giả đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam về vấn đề này. Cụ thể như sau:

2.3.2. Một số kiến nghị

Thứ nhất, về mặt thuật ngữ, có thể có nhiều tên gọi có thể được dịch ra từ thuật ngữ Anticipatory breach như vi phạm suy đoán, vi phạm được dự báo trước, VPHĐ trước thời hạn, sự từ chối thực hiện hợp đồng trước thời hạn…Tác giả đề xuất dùng thuật ngữ đầy đủ "Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ" để phản ánh đúng bản chất và nội dung của loại vi phạm này.

Thứ hai, cần làm rõ khái niệm về VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ nếu pháp luật Việt Nam công nhận và bổ sung các quy định cụ thể về loại vi phạm này. Có thể tham khảo định nghĩa mà tác giả đưa ra trên đây: "*Vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ là vi phạm xảy ra trước khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ, khi một bên tuyên bố không thực hiện nghĩa vụ hoặc có những hành vi thể hiện ý định sẽ không thực hiện nghĩa vụ, hoặc có cơ sở rõ ràng về việc anh ta không thể thực hiện nghĩa vụ của mình.*".

Thứ ba, pháp luật Việt Nam cần quy định cụ thể các điều kiện cấu thành và hậu quả pháp lý của VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Điều kiện cấu VPHĐ trước thời hạn bao gồm 1) Tính rõ ràng của dấu hiệu vi phạm sẽ xảy ra, 2) Vi phạm được suy đoán là vi phạm cơ bản. Về hậu quả pháp lý, khi đã có đầy đủ căn cứ cấu thành vi phạm trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ, tuỳ vào mức độ rõ ràng của dấu hiệu vi phạm, bên bị vi phạm có quyền tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ, hoặc huỷ hợp đồng và đòi bồi thường thiệt hại. Nếu một bên tuyên bố chắc chắn không thực hiện nghĩa vụ hoặc có hành vi thể hiện rõ ràng ý định không thực hiện nghĩa vụ, thì bên còn lại có thể huỷ hợp đồng và đòi bồi thường thiệt hại. Còn nếu một bên chỉ có cơ sở hợp lý để nghi ngờ bên kia sẽ không thực hiện nghĩa vụ khi đến hạn, thì anh ta có thể tạm ngừng thực hiện nghĩa vụ và yêu cầu bên bị suy đoán vi phạm cung cấp đảm bảo đầy đủ về việc thực hiện nghĩa vụ của mình. Chỉ khi bên bị suy đoán vi phạm không thể đưa được sự đảm bảo này thì bên còn lại mới có thể huỷ hợp đồng trước thời hạn.

3. Kết luận

Học thuyết VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ được xem là một sự bổ sung hoàn hảo cho lý thuyết VPHĐ truyền thống. Những quốc gia với nền tư pháp phát triển trên thế giới đã sớm công nhận và điều chỉnh loại vi phạm này, trong đó Hoa Kỳ là một ví dụ điển hình. Những quy định của pháp luật Hoa Kỳ có thể là một ví dụ tham khảo giá trị cho Việt Nam khi cân nhắc để tiếp nhận học thuyết VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ. Bên cạnh việc tiếp nhận những nội dung cốt lõi của học thuyết, các nhà làm luật Việt Nam có thể điều chỉnh, bổ sung để đưa ra một chế định VPHĐ trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ sao cho phù hợp với những quy định hiện có cũng như bối cảnh pháp luật trong nước.

Tài liệu tham khảo

[1] Luật Thương mại Việt Nam 2005.

[2] Bộ luật Dân sự Việt Nam 2015.

[3] Bộ luật Thương mại thống nhất Hoa Kỳ.

[4] Luật Hợp đồng Trung Quốc năm 1999.

[5] *Hochster v De La Tour*, 118 Eng.Rep. 922 (Queen's Bench, 1853).

[6] *Mutual Loan Soc'y v. Stowe*, 15 Ala. App. 293, 73 So. 202 (1916).

[7] *Timmerman v. Stanley*, 123 Ga. 850, 51 S.E. 760 (1905).

[8] *Parker v. King,* 68 Ga. App. 672, 23 S.E.2d 575 (1942).

[9] *Hugh Beale (2008*), Chitty on Contract, vol 1, Sweet & Maxwell, 2008

[10] *Authur Linton Corbin*, *Corbin on Contracts*, West Publishing Company, 1960.

[11] Nguyễn Thị Quỳnh Yến (2023), *Nhu cầu điều chỉnh vi phạm hợp đồng trước thời hạn thực hiện nghĩa vụ ở Việt Nam và một số kiến nghị*, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 9.

[12] Dương Anh Sơn (2006), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc điều chỉnh bằng pháp luật đối với vi phạm hợp đồng khi chưa đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 4 (216).

[13] Dương Anh Sơn (2007), *Tác động của các hình thức lỗi đến việc xác định trách nhiệm hợp đồng*, Tạp chí Khoa học Pháp lý Việt Nam, số 1 (138).

[14] Võ Sỹ Mạnh (2015), *Vi phạm cơ bản hợp đồng theo Công ước Viên 1980 về Hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế và định hướng hoàn thiện các quy định có liên quan của Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ ngành luật Kinh tế, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh.

[15] Collin P. Campell (1905), *The Doctrine of Anticipatory Breach*, 60 Central Law Journal 64.

VAI TRÒ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG QUẢN LÝ KINH TẾ...

Tiếp theo trang 153

3. Kết luận

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư được hình thành trên nền tảng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ ba. Có thể nói rằng, đây là sự kế thừa và phát triển tri thức của nhân loại; là sự hợp nhất của các loại công nghệ và đã làm mờ đi ranh giới giữa các lĩnh vực vật lý, kỹ thuật số và sinh học với trung tâm là sự phát phát triển của trí tuệ nhân tạo (AI), Robotics, Internet kết nối vạn vật (IoT), điện toán đám mây, khoa học vật liệu, sinh học, công nghệ di động không dây, công nghệ nano, tự động hoá công nghệ in 3 chiều (3D), khoa học mang tính liên ngành phức hợp, sâu rộng với nền tảng đột phá của công nghệ số, đáp ứng đòi hỏi của nền kinh tế tri thức, của xã hội tri thức. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra nhiều cơ hội để tăng năng suất lao động của các sản phẩm và dich vụ mới cho phép con người và xã hội có cuộc sống tốt đẹp, văn minh, hiện đại. Hiện nay, hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa đang là xu hướng phát triển tất yếu của mọi quốc gia. Khi tham gia hội nhập quốc tế thì yếu tố hội nhập đầu tiên và chịu tác động rất mạnh mẽ luôn là vấn đề kinh tế. Vì thế, để quản lý nền kinh tế Việt Nam phù hợp, linh động thích ứng với các biến động và hoàn cảnh mới, đòi hỏi chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước phải đổi mới về tư duy sáng tạo, hình thức và phương pháp thực hiện cũng phải linh hoạt, phù hợp hơn trước. Do đó, nguyên tắc, hình thức và phương pháp thực hiện chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế, hiệu quả thực tế mà chúng mang lại là những vấn đề rất cần có sự nghiên cứu, tìm hiểu để từ đó tìm ra các giải pháp nhằm hoàn thiện chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước trong giai đoạn hội nhập quốc tế.

Tài liệu tham khảo

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII* (tập 1 và 2), NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] Lê Xuân Bá (2013), *Vị trí, vai trò và xu hướng phát triển của các thành phần kinh tế ở Việt Nam*, Hội thảo *"Phát triển kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam hiện nay: Thực trạng và giải pháp"*, Viện Nghiên cứu và Quản lý kinh tế Trung ương.

[3] Vũ Đình Bách (2017), *Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[4] Vương Đình Huệ (2021), *Một số cơ chế, chính sách cấp thiết nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, phục hồi kinh tế do tác động của đại dịch Covid-19*, nguồn: https://www.tapchicongsan.org.vn, ngày 02/10/2021.

[5] Nguyễn Vinh Hưng (2015), *Thực hiện chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.